

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập
và Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	10

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch
Ông Tạ Hoàng Giang	Thành viên
Ông Phạm Văn Dương	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Cẩm	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Văn Cận	Trưởng Ban
Ông Triệu Công Trứ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Dương	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Hoàng Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Việt Quang	Phó Tổng Giám đốc

2. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần May Sông Hồng (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo, các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



BÙI ĐỨC THỊNH
Chủ tịch

Nam Định, Việt Nam
Ngày 5 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 087-11-12

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần May Sông Hồng**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Sông Hồng (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo Tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các Báo cáo Tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác với ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính của Công ty như được nêu trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2012. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý về báo cáo tài chính của Công ty không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và trình bày báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính gây ra bởi gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, mà không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng những bằng chứng kiểm toán chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Sông Hồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN NEXIA ACPA

Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231



NGUYỄN CHÍ TRUNG

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0255/KTV

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 4 năm 2013

LÊ THẾ VIỆT

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0821/KTV

Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		750.757.146.849	622.260.635.907
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	225.220.777.832	144.345.506.155
Tiền	111		46.220.777.832	38.420.506.155
Các khoản tương đương tiền	112		179.000.000.000	105.925.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.601.250.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		2.601.250.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		265.405.237.109	215.344.566.341
Phải thu khách hàng	131		224.254.350.667	186.518.446.313
Trả trước cho người bán	132		24.932.941.017	28.720.034.687
Các khoản phải thu khác	138	4	16.217.945.425	6.393.070.073
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5	-	(6.286.984.732)
Hàng tồn kho	140	6	244.395.933.082	252.359.733.531
Hàng tồn kho	141		271.620.556.441	296.176.833.772
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27.224.623.359)	(43.817.100.241)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.133.948.826	10.210.829.880
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.775.624.999	2.687.196.907
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.890.457.968	7.170.027.552
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		12.596.946	1.933.841
Tài sản ngắn hạn khác	158		455.268.913	351.671.580
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		257.157.408.000	149.889.017.874
Tài sản cố định	220		256.650.793.000	149.437.468.874
Tài sản cố định hữu hình	221	7	147.401.325.239	131.538.014.721
- Nguyên giá	222		446.322.977.866	394.777.391.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(298.921.652.627)	(263.239.377.191)
Tài sản cố định vô hình	227	8	1.294.353.125	1.522.077.392
- Nguyên giá	228		2.638.209.060	2.615.069.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.343.855.935)	(1.092.992.068)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	107.955.114.636	16.377.376.761
Tài sản dài hạn khác	260		506.615.000	451.549.000
Tài sản dài hạn khác	268		506.615.000	451.549.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.007.914.554.849	772.149.653.781

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
NỢ PHẢI TRẢ	300		696.862.311.146	550.328.981.313
Nợ ngắn hạn	310		578.995.469.354	478.867.206.175
Vay ngắn hạn	311	10	259.952.046.736	202.789.864.776
Phải trả người bán	312		112.284.153.206	39.595.456.557
Người mua trả tiền trước	313		19.483.246.588	3.866.804.304
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	25.332.663.754	12.382.495.898
Phải trả người lao động	315	12	103.738.890.576	99.548.586.287
Chi phí phải trả	316	13	7.789.520.993	62.101.194.422
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14 & 24	28.000.166.461	44.933.384.057
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	15	22.414.781.040	13.649.419.874
Nợ dài hạn	330		117.866.841.792	71.461.775.138
Vay và nợ dài hạn	334	16	117.866.841.792	63.160.810.858
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	2.16	-	8.300.964.280
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		311.052.243.703	221.820.672.468
Vốn chủ sở hữu	410	17	311.052.243.703	221.820.672.468
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.000.000.000	54.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.100.000.000	2.100.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		111.281.885.270	65.080.079.445
Quỹ dự phòng tài chính	418		23.088.785.158	13.848.423.993
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.043.416.636	1.951.754.321
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		118.538.156.639	84.840.414.709
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.007.914.554.849	772.149.653.781

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:

LÊ VĂN QUANG
Kế toán trưởng

Nam Định, Việt Nam
Ngày 5 tháng 4 năm 2013

Người phê duyệt:



BÙI ĐỨC THỊNH
Chủ tịch

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.752.610.153.757	1.665.571.500.096
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(444.717.091)	(533.048.049)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.752.165.436.666	1.665.038.452.047
Giá vốn hàng bán	11	19 & 26	(1.491.077.952.176)	(1.444.811.639.570)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		261.087.484.490	220.226.812.477
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	14.971.806.267	34.712.718.450
Chi phí tài chính	22	21	(20.511.914.040)	(38.540.838.621)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(20.486.737.334)	(20.480.565.793)
Chi phí bán hàng	24	26	(66.056.682.349)	(60.056.710.197)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	(81.371.159.413)	(75.914.112.634)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		108.119.534.955	80.427.869.475
Thu nhập khác	31	22	9.859.807.067	27.817.366.163
Chi phí khác	32		(345.434.397)	(520.272.546)
Lợi nhuận từ hoạt động khác	40		9.514.372.670	27.297.093.617
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	117.633.907.625	107.724.963.092
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	(16.824.809.450)	(15.321.351.440)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	23		
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	17	100.809.098.175	92.403.611.652
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	18.668	21.615

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



LÊ VĂN QUANG
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



BUI ĐỨC THỊNH
Chủ tịch

Nam Định, Việt Nam
Ngày 5 tháng 4 năm 2013

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế trong năm	01		117.633.907.625	107.724.963.092
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao và phân bổ	02		35.933.139.303	35.823.184.182
Các khoản dự phòng	03		(22.879.461.614)	31.025.687.285
Thu nhập từ lãi tiền gửi	05		(11.812.567.550)	(8.062.407.673)
Chi phí lãi vay	06		20.486.737.334	20.480.565.793
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		139.361.755.098	186.991.992.679
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(42.504.779.557)	9.749.054.299
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		24.556.277.331	(112.421.211.278)
Tăng các khoản phải trả	11		11.144.554.720	40.491.810.804
Tăng chi phí trả trước	12		(4.088.428.092)	(175.383.663)
Tiền chi trả lãi vay	13		(20.486.737.334)	(20.480.565.793)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.881.774.172)	(8.138.243.250)
Các khoản thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	409.478.228
Các khoản chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(158.663.333)	(451.549.000)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		102.942.204.661	95.975.383.026
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(143.146.463.428)	(37.487.257.153)
Tiền chi đầu tư tài chính ngắn hạn	25		(2.601.250.000)	-
Thu nhập từ lãi tiền gửi	27		11.812.567.550	8.062.407.673
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động đầu tư	30		(133.935.145.878)	(29.424.849.480)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay nhận được	33		1.215.551.827.186	746.375.253.919
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.103.683.614.292)	(700.145.865.561)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(16.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động tài chính	40		111.868.212.894	30.029.388.358
TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		80.875.271.677	96.579.921.904
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	3	144.345.506.155	47.765.584.251
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	3	225.220.777.832	144.345.506.155

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

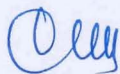
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

BỔ SUNG THUYẾT MINH VỀ CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong năm, có các giao dịch không bằng tiền chủ yếu sau:

Nội dung	2012	2011
Góp vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	18.000.000.000

Người lập:



LÊ VĂN QUANG
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



BUI ĐỨC THỊNH
Chủ tịch

Nam Định, Việt Nam
Ngày 5 tháng 4 năm 2013

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần May Sông Hồng (trước đây là doanh nghiệp Nhà nước Công ty May Sông Hồng) (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0703000386 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 3 tháng 6 năm 2004. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề kinh doanh, và mở văn phòng đại diện như sau (sau đây gọi là “Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh”):

<u>Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sửa đổi</u>	<u>Ngày cấp</u>
0703000386	3 tháng 1 năm 2006
0703000386	15 tháng 8 năm 2008
0703000386	6 tháng 4 năm 2010
0703000386	18 tháng 8 năm 2011

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất hàng may sẵn phục vụ dân sinh; sản xuất thảm, chăn đệm, may trang phục, sản xuất trang phục dệt kim, đan móc, bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh; kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc phục vụ ngành công nghiệp dệt, may; kinh doanh thuốc lá điều nội địa, rượu bia và các loại hóa mỹ phẩm.

Công ty có trụ sở tại Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, thành phố Nam Định.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 54.000.000.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm:

<u>Cổ đông</u>	<u>31 tháng 12 năm 2012</u>		<u>31 tháng 12 năm 2011</u>	
	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>% quyền sở hữu</u>	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>% quyền sở hữu</u>
Bùi Đức Thịnh	1.065.180	19,7%	1.065.180	19,7%
Bùi Việt Quang	627.030	11,6%	627.030	11,6%
Phạm Văn Dương	587.100	10,9%	587.100	10,9%
CTCP Chứng khoán FPT	500.000	9,26%	500.000	9,26%
Bùi Thu Hà	300.000	5,6%	300.000	5,6%
Các cổ đông khác	2.320.690	42,94%	2.320.690	42,94%
	5.400.000	100%	5.400.000	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 7.265 nhân viên (31 tháng 12 năm 2011: 6.125 nhân viên).

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp. Doanh nghiệp áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Công ty phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Các tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua được các tài sản tài chính đó.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các khoản nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành các khoản nợ tài chính đó.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác, quỹ khen thưởng phúc lợi, dự phòng trợ cấp mất việc làm và vay và nợ dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có các yêu cầu cho việc đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao mà có thể chuyển đổi thành tiền không có rủi ro lớn về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn chứ không phải cho mục đích đầu tư hay mục đích khác.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc.

2.8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào các khoản phải thu không có khả năng thu hồi cụ thể.

2.9. Hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm hàng hóa, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng hóa, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng hóc, lỗi thời, v.v..) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn của tài sản cố định hữu hình được xác định theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-30
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải	7-10
Thiết bị quản lý	3-5
TSCĐ hữu hình khác	3-5

Thời gian sử dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

2.11. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thuê đất trả trước cho lô đất đặt trụ sở chính của Công ty Số 228 đường Trần Hưng Đạo, Thành phố Nam Định, Việt Nam với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định cấp. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê 20 năm.

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) đến năm (5) năm.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa hoàn thành và được phản ánh theo nguyên giá. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Công cụ và dụng cụ có thời gian hữu dụng trên một năm được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ hai (2) đến ba (3) năm.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.14. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.15. Dự phòng quỹ tiền lương

Dự phòng quỹ tiền lương hàng năm được trích lập dựa trên những ước tính của Ban Giám đốc về số lượng đơn hàng biến động trong năm tiếp theo để đảm bảo việc chi trả lương cho người lao động không bị gián đoạn và tỷ lệ trích lập không vượt quá 17% tổng quỹ lương thực hiện trong năm và không làm cho doanh nghiệp bị lỗ.

2.16. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Theo Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 ban hành bởi Bộ Tài chính, dự phòng trợ cấp mất việc làm được tính theo tỷ lệ từ 1% đến 3% trên tổng quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp. Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm chưa được sử dụng hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn nhập toàn bộ vào thu nhập khác theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp.

2.17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty và được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được ghi nhận như khoản nợ phải trả.

2.18. Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các yếu tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài. Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

2.19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty. Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

2.20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Dịch vụ gia công

Doanh thu từ dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

2.21. Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

2.22. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập có liên quan đến các khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thực hiện hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực hay cơ bản có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và phần suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Phần suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

2.26. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu, thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ.

2.27. Chi trả cổ tức

Chi trả cổ tức cho các nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận là các khoản nợ phải trả trên Báo cáo tài chính trong năm cổ tức được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty.

2.28. Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được trình bày khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

2.29. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.30. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền mặt tại quỹ	5.734.225.178	5.435.188.746
Tiền gửi ngân hàng	40.486.552.654	32.985.317.409
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn trong thời hạn ba (3) tháng)	179.000.000.000	105.925.000.000
	225.220.777.832	144.345.506.155

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	1.113.712	982.175

4. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	31/12/2011
Các khoản phải thu từ Bảo hiểm Xã hội	9.029.593.627	4.981.003.618
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	3.073.777.254	-
Khác	4.114.574.544	1.412.066.455
	16.217.945.425	6.393.070.073

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động của khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2012	2011
Số dư đầu năm	6.286.984.732	5.935.518.731
Tăng dự phòng trong năm	-	351.466.001
Giảm dự phòng trong năm	(6.286.984.732)	-
Số dư cuối năm	-	6.286.984.732

6. Hàng tồn kho

	31/12/2012	31/12/2011
Nguyên liệu, vật liệu	126.615.881.795	153.018.349.711
Công cụ, dụng cụ	1.041.729.464	1.062.663.258
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55.095.467.430	75.251.297.888
Thành phẩm	88.867.477.752	66.844.339.410
Hàng gửi bán	-	183.505
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	271.620.556.441	296.176.833.772
Dự phòng hàng tồn kho	(27.224.623.359)	(43.817.100.241)
	244.395.933.082	252.359.733.531

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bao gồm trong nguyên vật liệu và thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt khoảng 17 tỷ VNĐ và 27 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 60 tỷ VNĐ và 23 tỷ VNĐ) đã được lập dự phòng cho hàng lỗi thời.

Biến động của khoản dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2012	2011
Số dư đầu năm	43.817.100.241	13.142.878.957
Tăng dự phòng trong năm	27.224.623.359	43.817.100.241
Giảm dự phòng trong năm	(43.817.100.241)	(13.142.878.957)
Số dư cuối năm	27.224.623.359	43.817.100.241

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải,	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	197.757.683.914	170.732.020.387	10.934.926.262	15.352.761.349	394.777.391.912
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.450.457.856	-	-	-	2.450.457.856
Tăng trong năm	6.226.877.027	38.592.850.768	1.858.181.818	2.417.218.485	49.095.128.098
Số dư cuối năm	206.435.018.797	209.324.871.155	12.793.108.080	17.769.979.834	446.322.977.866
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	(110.387.029.989)	(132.842.711.505)	(7.134.583.448)	(12.875.052.249)	(263.239.377.191)
Hao mòn trong năm	(16.836.785.945)	(16.491.481.529)	(1.024.175.584)	(1.329.832.378)	(35.682.275.436)
Số dư cuối năm	(127.223.815.934)	(149.334.193.034)	(8.158.759.032)	(14.204.884.627)	(298.921.652.627)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	87.370.653.925	37.889.308.882	3.800.342.814	2.477.709.100	131.538.014.721
Số dư cuối năm	79.211.202.863	59.990.678.121	4.634.349.048	3.565.095.207	147.401.325.239

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá khoảng 221 tỷ VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã khấu hao hết (31 tháng 12 năm 2011: 153 tỷ VNĐ) nhưng vẫn đang sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại khoảng 71 tỷ VNĐ (31 tháng 12 năm 2011: 51 tỷ VNĐ) được thế chấp tại Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định và Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Nam Định để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty (xem Thuyết minh số 16).

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.309.176.000	1.305.893.460	2.615.069.460
Tăng trong năm	-	23.139.600	23.139.600
Số dư cuối năm	1.309.176.000	1.329.033.060	2.638.209.060
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	(71.095.530)	(1.021.896.538)	(1.092.992.068)
Hao mòn trong năm	(65.458.800)	(185.405.067)	(250.863.867)
Số dư cuối năm	(136.554.330)	(1.207.301.605)	(1.343.855.935)
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.238.080.470	283.996.922	1.522.077.392
Số dư cuối năm	1.172.621.670	121.731.455	1.294.353.125

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có một số phần mềm với nguyên giá khoảng 825 triệu VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã khấu hao hết (31 tháng 12 năm 2011: 638 triệu VNĐ) nhưng vẫn đang sử dụng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	31/12/2011
Công trình SH7	102.586.328.018	16.354.551.306
Công trình SH8	5.052.967.332	-
Công trình phụ trợ SH1	315.819.286	22.825.455
Số dư cuối năm	107.955.114.636	16.377.367.761

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2012	2011
Số dư đầu năm	16.377.367.761	4.788.424.919
Tăng trong năm	94.028.204.731	11.588.942.842
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.450.457.856)	-
Số dư cuối năm	107.955.114.636	16.377.367.761

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Vay ngắn hạn

	31/12/2012	31/12/2011
Các khoản vay ngắn hạn (i)	126.971.858.208	98.307.296.409
Các khoản vay ngắn hạn (ii)	76.963.450.928	68.982.406.399
Khoản vay cá nhân (iii)	22.300.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 16)	33.716.737.600	35.500.161.968
	259.952.046.736	202.789.864.776

- (i) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng tín dụng có hạn mức tín dụng tối đa là 196 tỷ VNĐ (hoặc tương đương với 9.500.000 Đô la Mỹ). Ngày 9 tháng 4 năm 2012, Hợp đồng tín dụng này đã được sửa đổi để nâng hạn mức tối đa lên 250 tỷ VNĐ (hoặc tương đương với 12.000.000 Đô la Mỹ). Các khoản vay ngắn hạn này có lãi suất được xác định theo từng lần rút vốn cụ thể, khoảng 16%/năm cho VNĐ và 5%/năm cho USD.
- (ii) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Nông Nghiệp – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng tín dụng có hạn mức tín dụng tối đa là 4.840.000 Đô la Mỹ. Các khoản vay ngắn hạn này có lãi suất được xác định theo từng lần rút vốn cụ thể từ 5,0%/năm đến 5,7%/năm.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn được huy động từ cán bộ công nhân viên với lãi suất 16%/năm.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	31/12/2011
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	971.370.883	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.264.386.727	12.321.351.449
Thuế thu nhập cá nhân	59.147.133	58.191.402
Khác	37.759.011	2.953.047
	25.332.663.754	12.382.495.898

12. Phải trả người lao động

	31/12/2012	31/12/2011
Thưởng phải trả người lao động	42.488.377.657	39.140.035.277
Lương phải trả người lao động	30.560.882.279	21.533.969.849
Dự phòng quỹ tiền lương phải trả (i)	30.689.630.640	38.874.581.161
	103.738.890.576	99.548.586.28

- (i) Biến động của khoản dự phòng quỹ tiền lương phải trả trong năm như sau:

	2012	2011
Số dư đầu năm	38.874.581.161	25.648.781.779
Tăng dự phòng trong năm	30.689.630.640	38.874.581.161
Sử dụng dự phòng trong năm	(38.874.581.161)	(25.648.781.779)
Số dư cuối năm	30.689.630.640	38.874.581.161

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Chi phí phải trả

	31/12/2012	31/12/2011
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.417.420.272	13.118.323.539
Chi phí tư vấn	-	420.000.000
Trích trước lương phép	4.372.100.721	3.869.146.394
Trích trước tiền ăn ca	-	22.290.910.160
Bảo hộ lao động	-	22.334.000.000
Khác	-	68.814.329
	7.789.520.993	62.101.194.422

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	2012	2011
Phải trả cho Song Hong Apprel Limited	13.299.830.415	23.154.897.912
Hoa hồng phải trả cho đại lý	6.467.985.706	7.957.823.833
Khác	8.232.350.340	13.820.662.312
	28.000.166.461	44.933.384.057

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2012	2011
Số dư đầu năm	13.649.419.874	6.840.633.972
Trích từ lợi nhuận sau thuế (xem Thuyết minh 17)	9.240.361.165	7.083.039.964
Sử dụng quỹ	(474.999.999)	(274.254.062)
Số dư cuối năm	22.414.781.040	13.649.419.874

16. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	31/12/2011
Khoản vay	-	660.000.000
Khoản vay (i)	30.891.734.432	46.845.911.458
Khoản vay (ii)	26.838.628.960	37.288.757.884
Khoản vay (iii)	5.345.537.600	13.866.303.484
Khoản vay (iv)	34.507.678.400	-
Trái phiếu chuyển đổi (v)	54.000.000.000	-
Tổng	151.583.579.392	98.660.972.826
Phải trả trong vòng 12 tháng (xem Thuyết minh 10)	(33.716.737.600)	(35.500.161.968)
Phải trả sau 12 tháng	117.866.841.792	63.160.810.858

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (i) Khoản vay dài hạn trị giá 5.888.000 Đô la Mỹ từ Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, được hoàn trả trong vòng 108 tháng bắt đầu từ ngày 15 tháng 12 năm 2005. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất là 6,5%/năm và được điều chỉnh sau mỗi 6 tháng.
- (ii) Khoản vay dài hạn trị giá 3.740.000 Đô la Mỹ từ Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, được hoàn trả trong vòng 102 tháng bắt đầu từ ngày 14 tháng 2 năm 2007. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất là 7,5%/năm và được điều chỉnh sau mỗi 6 tháng.
- (iii) Khoản vay dài hạn trị giá 1.615.504 Đô la Mỹ từ Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Nam Định, được hoàn trả trong vòng 60 tháng bắt đầu từ ngày 26 tháng 6 năm 2009. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất là 3,5%/năm.
- (iv) Khoản vay dài hạn trị giá 2.832.341 Đô la Mỹ từ Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, trong vòng 84 tháng bắt đầu từ ngày 10 tháng 6 năm 2013. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất là 6,5%/năm và được điều chỉnh sau mỗi 3 tháng.
- (v) Theo Giấy chứng nhận chào bán Trái phiếu số 47/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 10 năm 2012, Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã phát hành 540.000 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 100.000 VNĐ có thời hạn trái phiếu là hai (2) năm với lãi suất 0%/ năm. Trái phiếu chuyển đổi được phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20:1 tương ứng với 270.000 trái phiếu; 270.000 trái phiếu còn lại được phát hành cho nhà đầu tư riêng lẻ và đã được mua toàn bộ bởi Ông Lô Bằng Giang, công dân Việt Nam. Trái phiếu chuyển đổi bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành và sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu sau hai (2) năm kể từ ngày Trái phiếu chuyển đổi có hiệu lực theo tỷ lệ đã được phê duyệt.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011	36.000.000.000	2.100.000.000	43.363.035.424	6.765.384.029	1.382.404.321	63.759.699.209	9.509.676.733	162.880.199.716
Góp vốn	18.000.000.000	-	-	-	-	(18.000.000.000)	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	(9.509.676.733)	(9.509.676.733)
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	92.403.611.652	-	92.403.611.652
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(16.200.000.000)	-	(16.200.000.000)
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	21.373.498.851	7.083.039.964	500.000.000	(28.956.538.815)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (xem Thuyết minh 15)	-	-	-	-	-	(7.083.039.964)	-	(7.083.039.964)
Phân phối khác	-	-	-	-	-	(1.083.317.373)	-	(1.083.317.373)
Tăng khác	-	-	343.545.170	-	69.350.000	-	-	412.895.170
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2012	54.000.000.000	2.100.000.000	65.080.079.445	13.848.423.993	1.951.754.321	84.840.414.709	-	221.820.672.468
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	100.809.098.175	-	100.809.098.175
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	46.201.805.825	9.240.361.165	500.000.000	(55.942.166.990)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (xem Thuyết minh 15)	-	-	-	-	-	(9.240.361.165)	-	(9.240.361.165)
Phân phối khác	-	-	-	-	(408.337.685)	(1.928.828.090)	-	(2.337.165.775)
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2012	54.000.000.000	2.100.000.000	111.281.885.270	23.088.785.158	2.043.416.636	118.538.156.639	-	311.052.243.703

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vốn điều lệ được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn điều lệ được phê duyệt	5.400.000	54.000.000.000	5.400.000	54.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	5.400.000	54.000.000.000	5.400.000	54.000.000.000
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	5.400.000	54.000.000.000	5.400.000	54.000.000.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

Biến động của vốn điều lệ trong năm:

	2012		2011	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	5.400.000	54.000.000.000	3.600.000	36.000.000.000
Phát hành trong năm (i)	-	-	1.800.000	18.000.000.000
Số dư cuối năm	5.400.000	54.000.000.000	5.400.000	54.000.000.000

- (i) Theo Biên bản họp Đại hội Cổ đông ngày 21 tháng 5 năm 2011, Đại hội Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu theo tỉ lệ 50%. Tiếp theo đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 36 tỷ VNĐ lên 54 tỷ VNĐ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0703000386 ngày 18 tháng 8 năm 2011.

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2012	2011
Doanh thu từ bán hàng hóa	1.539.697.005.039	1.370.042.004.046
Doanh thu từ dịch vụ gia công	212.913.148.718	295.529.496.050
	1.752.610.153.757	1.665.571.500.096

19. Giá vốn hàng bán

	2012	2011
Giá vốn từ bán hàng hóa	1.288.969.426.406	1.157.163.808.470
Giá vốn từ dịch vụ gia công	202.108.525.770	287.647.831.100
	1.491.077.952.176	1.444.811.639.570

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012	2011
Thu nhập từ lãi tiền gửi	11.812.567.550	8.062.407.673
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.983.120.717	26.447.098.817
Khác	1.176.118.000	203.211.960
	14.971.806.267	34.712.718.450

Công ty Cổ phần Mây Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Chi phí tài chính

	2012	2011
Chi phí lãi vay	20.486.737.334	20.480.565.793
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.176.706	18.060.272.828
	20.511.914.040	38.540.838.621

22. Thu nhập khác

	2012	2011
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	8.299.314.280	-
Chênh lệch thừa từ kiểm kê hàng tồn kho năm 2007	-	25.982.786.042
Khác	1.560.492.787	1.834.580.121
	9.859.807.067	27.817.366.163

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm đầu tiên (2004-2013) và chịu thuế suất 28% (thuế suất thuế TNDN chung) trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế (2004-2005) và giảm 50% thuế TNDN trong năm (5) năm tiếp theo (2006-2010).

Theo sự thay đổi về Luật thuế TNDN, thuế suất thuế TNDN chung thay đổi từ 28% thành 25%, có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010. Theo đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế suất 25% sau giai đoạn được hưởng ưu đãi thuế TNDN nêu trên.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Lợi nhuận kế toán trong năm được điều chỉnh về lợi nhuận chịu thuế như sau:

	2012	2011
Lợi nhuận kế toán trước thuế	117.633.907.625	107.724.963.092
<i>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán về thu nhập tính thuế</i>		
Chi phí không được trừ	345.434.397	1.713.261.480
Lợi nhuận tính thuế hiện hành ước tính	117.979.342.022	109.438.224.572
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận chịu thuế từ các hoạt động chính áp dụng thuế suất thuế TNDN 20%	109.187.868.677	109.438.224.572
Lợi nhuận chịu thuế từ các hoạt động khác áp dụng thuế suất thuế TNDN 25%	8.791.473.345	-
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	21.837.573.735	21.887.644.914
Thuế TNDN theo thuế suất 25%	2.197.868.336	-
Chi phí thuế TNDN	24.035.442.071	21.887.644.914
Giảm 30% thuế TNDN (i)	(7.210.632.621)	(6.566.293.474)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.824.809.450	15.321.351.440

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (i) Căn cứ vào Nghị định số 60/2012/ NĐ-CP và Nghị định số 101/2011/NĐ-CP về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết của Quốc hội để bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp và cá nhân do Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 và ngày 4 tháng 11 năm 2011, các hoạt động của Công ty đáp ứng được các tiêu chí của doanh nghiệp có lĩnh vực hoạt động được giảm thuế, do đó Công ty được giảm 30% thuế TNDN cho năm 2011 và 2012.

Việc tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu của các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	2012	2011
Song Hong Apparel Limited	Bên liên quan	Phí kiểm tra hàng mẫu và môi giới	32.999.066.534	37.554.440.209

Trong số dư của Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác có các số dư công nợ với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2012	31/12/2011
Phải trả				
Song Hong Apparel Limited	Bên liên quan	Phí kiểm tra hàng mẫu và môi giới	13.299.830.415	23.154.897.912

Tiền lương và lợi ích của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	2012	2011
Tổng lương và các khoản lợi ích khác	1.828.141.050	1.622.435.674

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2012	2011
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.809.098.175	92.403.611.652
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.400.000	4.275.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.668	21.615

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Các chi phí sản xuất kinh doanh chủ yếu phát sinh trong năm như sau:

	2012	2011
Chi phí nguyên vật liệu	889.302.696.736	886.034.789.471
Chi phí nhân công	465.226.903.408	312.591.417.685
Chi phí khấu hao và phân bổ	35.933.139.303	35.823.184.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.202.609.181	267.559.003.167
Chi phí bằng tiền khác	56.219.666.491	80.505.786.568

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

27. Mục đích và chính sách rủi ro tài chính

Công ty chịu các loại rủi ro tài chính như rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc quản trị rủi ro tài chính. Hội đồng Quản trị thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các việc đo lường kiểm soát rủi ro và các giới hạn rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và thực hiện các giới hạn rủi ro. Hệ thống và chính sách quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tệ trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất. Mục tiêu của việc quản trị rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi đó vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tiền tệ từ các giao dịch mua và bán hàng phát sinh bằng các đơn vị ngoại tệ không phải là Đồng Việt Nam ("VNĐ"). Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Hội đồng Quản trị không thực hiện các công cụ phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ này có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của việc biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Tài sản tài chính	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.113.712	982.175
Phải thu khách hàng	9.796.726	8.053.621
	10.910.438	9.035.796
Nợ tài chính	USD	USD
Vay ngắn hạn	11.425.579	9.200.589
Phải trả người bán	2.257.731	620.723
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	678.555	1.232.319
Vay và nợ dài hạn	3.070.521	3.032.495
	17.432.386	14.086.126

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được đề cập đến loại rủi ro mà một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện bằng giá trị còn lại của các sổ dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý bằng cách đảm bảo rằng phần lớn hơn giữa nợ đến hạn và tài sản trong năm được giữ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức các khoản dự phòng bằng tiền và các cam kết hỗ trợ vốn từ các nhà đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận của Công ty. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng cộng
31/12/2012			
Vay ngắn hạn	259.952.046.736	-	259.952.046.736
Phải trả người bán	112.284.153.206	-	112.284.153.206
Người mua trả tiền trước	19.483.246.588	-	19.483.246.588
Phải trả người lao động	103.738.890.576	-	103.738.890.576
Chi phí phải trả	7.789.520.993	-	7.789.520.993
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	28.000.166.461	-	28.000.166.461
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.414.781.040	-	22.414.781.040
Vay và nợ dài hạn	-	117.866.841.792	117.866.841.792
	553.662.805.600	117.866.841.792	671.529.647.392
31/12/2011			
Vay ngắn hạn	202.789.864.776	-	202.789.864.776
Phải trả người bán	39.595.456.557	-	39.595.456.557
Người mua trả tiền trước	3.866.804.304	-	3.866.804.304
Phải trả người lao động	99.548.586.287	-	99.548.586.287
Chi phí phải trả	62.101.194.422	-	62.101.194.422
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	44.933.384.057	-	44.933.384.057
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.649.419.874	-	13.649.419.874
Vay dài hạn	-	63.160.810.858	63.160.810.858
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	8.300.964.280	8.300.964.280
	466.484.710.277	71.461.775.138	537.946.485.415

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn dự tính cho tài sản tài chính phi phái sinh của Công ty. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của các tài sản tài chính gồm lãi sẽ có được từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin các tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản trị rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở giá trị thuần giữa tài sản và nợ.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng cộng
31/12/2012			
Đầu tư ngắn hạn	2.601.250.000	-	2.601.250.000
Phải thu khách hàng	224.254.350.667	-	224.254.350.667
Trả trước cho người bán	24.932.941.017	-	24.932.941.017
Các khoản phải thu khác	16.217.945.425	-	16.217.945.425
	268.006.487.109	-	268.006.487.109
31/12/2011			
Phải thu khách hàng - Thuần	180.231.461.581	-	180.231.461.581
Trả trước cho người bán	28.720.034.687	-	28.720.034.687
Các khoản phải thu khác	6.393.070.073	-	6.393.070.073
	215.344.566.341	-	215.344.566.341

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính tại ngày bằng cân đối kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

28. Số liệu so sánh

Bảng Cân đối Kế toán

	31/12/2011 (được phân loại lại)	31/12/2011 (đã báo cáo trước)
Vay ngắn hạn	202.789.864.776	167.289.702.808
Vay và nợ dài hạn	63.160.810.858	98.660.972.826

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được trình bày theo phương pháp trực tiếp trước đây, được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

Người lập:



LÊ VĂN QUANG
Kế toán trưởng

Nam Định, Việt Nam
Ngày 5 tháng 4 năm 2013

Người phê duyệt:



BUI ĐỨC THỊNH
Chủ tịch